

Số: 77/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Chị Đàm Thị Tuyết M, sinh năm 1973;

HKTT: Số nhà SD, ngõ N, tổ 2, phường MĐ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lương Văn Nh, sinh năm 1975;

HKTT: Xã AL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Nơi công tác: Ban chính trị, trung đoàn A, đoàn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Đàm Thị Tuyết M và anh Lương Văn Nh kết hôn ngày 02/3/2000 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Mặc dù hai người đã cố gắng tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, cả chị M và anh Nh đều làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M và anh Nh đều xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Đàm Thị Tuyết M và anh Lương Văn Nh có hai con chung là Lương Trung D, sinh ngày 12/10/2001 và Lương Quang M, sinh ngày 22/6/2008. Hiện nay, cháu Lương Trung D đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị M và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M và anh Nh thỏa thuận sau khi ly hôn chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Quang M. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M và anh Nh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: chị Đàm Thị Tuyết M và anh Lương Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Đàm Thị Tuyết M và anh Lương Văn Nh thống nhất thỏa thuận để chị M chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị Tuyết M và anh Lương Văn Nh.

***Về con chung:** Sau khi ly hôn chị Đàm Thị Tuyết M trực tiếp nuôi con chung là Lương Quang M, sinh ngày 22/6/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đàm Thị Tuyết M chịu cả 300.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000990 ngày 11/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- UBND xã XP, huyện YD, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng

